

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2023/DS-PT

Ngày: 11- 4- 2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền;
Bà Trần Thị Kim Em

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 234/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T (Thiếu 7 Dũng), sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số N, đường L, phường Y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 06/5/2021 tại Văn phòng Công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960.

2. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền:

- Bà Võ Thị Minh T1, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 10/3/2023, tại văn phòng Công chứng số 3, tỉnh Tiền Giang, số công chứng 851, Quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD).

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1944 (có mặt).

Địa chỉ: Số u, R, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 10/3/2023 tại văn phòng Công chứng Nguyễn Anh T, số chứng thực 312/Quyển số 01/SCT/CK)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền bà Võ Thị Minh T1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do quen biết và tin tưởng nên bà T có nhiều lần cho bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn N1 mượn tiền cụ thể như sau:

- Vào đầu tháng 12/2017 âm lịch ông N1 và bà N mượn bà số tiền 20.000.000đ;

- Ngày 21/12/2017 âm lịch ông N1, bà N mượn số tiền 30.000.000đ.

Tổng cộng ông N1, bà N mượn của bà T số tiền là 50.000.000đ.

Khi mượn tiền ông N1, bà N hẹn khi nào bà cần thì sẽ trả tổng số tiền đã mượn, bà N đại diện ký tên vào biên nhận mượn tiền.

Từ cuối năm 2019 cho đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu bà N, ông N1 trả tổng số tiền đã mượn là 50.000.000đ nhưng ông N1 và bà N không trả mà cố tình hứa hẹn nhiều lần, kéo dài thời gian cho đến nay nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả tiền. Nay bà yêu cầu ông N1, bà N phải trả số tiền 50.000.000đ, yêu cầu trả Ny khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2021 bà T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn N1, chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền 50.000.000đ.

Ngày 23/9/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn N1 và số

tiền 30.000.000đ, chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả cho bà T số tiền 20.000.000đ.

** Đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là bà Võ Thị Minh T1 trình bày:*

Trước đây bà N có mượn của bà T 20.000.000đ, sau đó có trả dần cho bà T với lãi suất nhiều. Nhưng bà T vẫn cứ tính lãi và chị Trần Thị T2 là dâu của bà N có gặp bà T hỏi số tiền bà N nợ bà T bao nhiêu, nếu thiếu nhiều thì chị T2 trả giúp bà N mỗi tháng 1.000.000đ. Lúc đó bà T có nói nếu bà N trả thì bà N trả cho bà T số tiền 10.000.000đ là hết nợ. Chị T2 đưa cho bà T số tiền 10.000.000đ và có xin lại biên nhận nợ của bà N nhưng bà T không trả. Đến nay thì bà T dùng biên nhận nợ do bà N viết để khởi kiện. Còn việc bà T cho rằng bà N có nợ số tiền 30.000.000đ có biên nhận là hoàn toàn không có, vì bà N chỉ viết biên nhận nợ số tiền 20.000.000đ và chị T2 đã trả thay cho bà N rồi, nhưng nay bà T dùng biên nhận nợ để khởi kiện thì nên bà N không đồng ý, vì bản thân bà N không biết chữ (do học chưa hết lớp 1), nên bà T viết biên nhận nợ mà không cho bà N giữ tờ biên nhận nào là không rõ ràng. Nên bà N không đồng ý trả cho bà T số tiền 50.000.000đ, vì số tiền biên nhận 20.000.000đ thì chị T2 (dâu bà N) đã trả cho bà T số tiền 10.000.000đ (do bà T nói với T2 nếu trả dứt thì chỉ cần trả 10.000.000đ là xem như dứt điểm số tiền nợ 20.000.000đ), còn đối với số tiền nợ 30.000.000đ thì bà N không có vay nên không đồng ý trả.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 234/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Thực hiện việc trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Trần Văn N1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị N trả số tiền 30.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/10/2022, bị đơn Nguyễn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bà N không có căn cứ, vì khoản nợ 20.000.000đ đã được phía bị đơn thừa nhận, cho rằng đã trả nhưng không có gì chứng minh, phía bà T không công nhận, nên không có cơ sở xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn kháng cáo đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T kiện bà N, ông N1 để yêu cầu trả số nợ vay 50.000.000đ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị N và nội dung tranh chấp:

Bà T khởi kiện bà N và ông N1 để yêu cầu trả số nợ 50.000.000đ, quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm phía nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà N trả 20.000.000đ, cấp sơ thẩm buộc bà N trả số nợ này là có căn cứ, đúng pháp luật bởi lẽ việc nợ này bà N đã thừa nhận tại biên bản hòa giải được lập ngày 21/8/2019 tại ấp Bình Thạnh, xã Tam Bình, huyện C và quá trình giải quyết vụ án, số tiền nợ này trùng khớp khoảng nợ mà nguyên đơn khởi kiện, phía bà N cho rằng đã trả 01 phần, phần còn đã được con dâu bà (chị T2) thanh toán xong nhưng không lấy lại biên nhận, tuy nhiên lời trình bày này phía

nguyên đơn không thừa nhận, nên không có căn cứ để xem xét. Như đã phân tích trên số nợ mà nguyên đơn yêu cầu đã được phía bị đơn thừa nhận, thuộc trường hợp quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới để xem xét, cấp sơ thẩm xét xử là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của bà N đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa triệu tập người làm chứng, giám định viên, xét thấy yêu cầu này vô lý, không có cơ sở, bởi lẽ số nợ 20.000.000đ bị đơn đã thừa nhận nợ khi hòa giải cơ sở và khi giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm thuộc trường hợp những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 463; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 234/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Thực hiện việc trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị N chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Trần Văn N1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị N trả số tiền 30.000.000đ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền chi phí giám định chữ ký là 1.900.000 đồng.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006319 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016757 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang được trừ vào án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng

